TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:29/2017/HNGĐ-ST
Ngày:05-9-2017.
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Bằng

2. Bà Võ Thị Ngọc Nga

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu -Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:139/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:28/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*: Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

***2. Bị đơn*: Trương Phước L**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt chị B, anh L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Phước L sống chung với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/02/2012. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với gia đình anh L tại ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang đến tháng 04/2017 thì xảy ra mâu thuẫn giữa chị và gia đình chồng trong vấn đề tiền bạc dẫn đến cự cải. Chị đã nhiều lần tâm sự và muốn anh L có biện pháp giải quyết những mâu thuẫn giữa chị với gia đình chồng nhưng anh L không quan tâm. Chị

đã thuê nhà trọ ở riêng khoảng 04 tháng nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Phước L.

Về con chung: Chị và anh L có một con chung tên là Trương Minh Đ, sinh ngày 25/10/2014. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Trương Phước L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L thừa nhận nội dung chị B trình bày là đúng, anh thừa nhận quá trình sống chung giữa chị B và gia đình chồng có một số mâu thuẫn nhưng anh cho rằng mâu thuẫn đó không lớn. Chị Bh và anh đã không sống chung khoảng 04 tháng. Nay chị B yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ.

Về con chung: Anh L thừa nhận chị B khai là đúng. Trường hợp anh và chị B ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi con chung vì hiện tại cháu đang sống chung với anh, anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L xác định anh và chị B không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc B giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trương Phước L, chị đồng ý giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị và anh L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trương Phước L đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Ngọc B, đồng ý trực tiếp nuôi con chung, về cấp dưỡng nuôi con anh và chị B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Ngọc B được ly hôn với anh Trương Phước L, ghi nhận sự thỏa thuận của chị B và anh L về việc giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc B tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trương Phước L có nơi cư trú tại ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc B và anh Trương Phước L sống chung có đăng ký kết hôn năm 2012, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung với gia đình bên chồng giữa chị B với gia đình chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cải. Chị B đã nhiều lần tâm sự với anh L để tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng anh L không quan tâm vì anh L cho rằng mâu thuẫn đó không lớn. Chị B nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với gia đình chồng được nữa nên đã ra ngoài thuê nhà trọ ở, anh L có đến tìm chị để năn nỉ đoàn tụ nhưng anh chị vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn giữa anh L và chị B khi mới phát sinh không đến mức trầm trọng nhưng diễn ra suốt một thời gian dài mà các bên vẫn không thể giải quyết được, dẫn đến việc vợ chồng không còn sống chung khoảng 04 tháng nay. Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị B vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh L và tại phiên tòa anh L xác định đồng ý ly hôn với chị B. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc B, cho chị Nguyễn Ngọc B được ly hôn với anh Trương Phước L.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc B và anh Trương Phước L thỏa thuận anh Trương Phước L trực tiếp nuôi con chung tên Trương Minh Đ, sinh ngày 25/10/2014. Xét sự thỏa thuận của chị B, anh L về việc nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Ngọc B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Anh L có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con và các bên thống nhất tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc B được ly hôn với anh Trương Phước L.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Minh Đ, sinh ngày 25/10/2014 cho anh Trương Phước L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Ngọc B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L, chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc B phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Ngọc B đã nộp theo biên lai thu số 18745 ngày 13/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị B đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc B, anh Trương Phước L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã T, huyện T, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương